|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN AN LÃO  **TRƯỜNG THCS THÁI SƠN** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II- NĂM HỌC 2023-2024**  **Môn: LỊCH SỬ-ĐỊA LÝ 6**  *Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề.* |

**1. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

**Phân môn Lịch sử**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **chủ đề** | **Nội dung/**  **đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết (TNKQ)** | **Thông hiểu**  **(TL)** | **Vận dụng**  **(TL)** | **Vận dụng cao**  **(TL)** |  |
|  | | | | | | | |
| **1** | **Thời kì Bắc thuộc và chống Bắc thuộc từ thế kỉ II trước công nguyên đến đầu thế kỉ x (năm 938)** | Nhà nước Văn Lang-Âu Lạc  BÀI 14 | 2TN |  |  |  | **0,5 đ** |
| Các cuộc khởi tiêu biểu giành độc lập trước thế kỉ X  (BÀI 16) | 2TN |  |  |  | **0,5** |
| Cuộc đấu tranh bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc của người Việt. (BÀI 17) | 2TN | 1.aTL | 1bTL |  | **1,5** |
| Bước ngoặt lịch sử ở đầu thế kỉ X  (BÀI 18) | 2TN | 1.aTL | 1bTL |  | **2,5** |
| ***Tổng*** | | | ***2*** | ***1,5*** | ***1,5*** |  |  |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | **15%** | **15%** |  | 50 |
| **Tỉ lệ chung** | | | **35** | | **15%** | | 50 |

**Phân môn Địa lý**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **chủ đề** | **Nội dung/**  **đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết (TNKQ)** | **Thông hiểu**  **(TL)** | **Vận dụng**  **(TL)** | **Vận dụng cao**  **(TL)** |
| **1** | KHÍ HẬU VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU | – Nhiệt độ không khí  - Các đới khí hậu | 2TN\* |  |  |  | 5% |
| **2** | NƯỚC TRÊN TRÁI ĐẤT | - Sông, hồ và việc sử dụng nước sông, hồ | 2TN\* |  |  |  | 5% |
| **3** | ĐẤT VÀ SINH VẬT TRÊN TRÁI ĐẤT | -Thành phần của đất  - Các nhân tố hình thành đất  - Một số nhóm đất điển trên Trái Đất | 2TN\* | 1 TL\* |  |  | 20% |
| **4** | CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN | - Phân bố dân cư  - Tác động của thiên nhiên  - Khai thác và sử dụng thông minh tài nguyên thiên nhiên | 2TN\* |  | 1 TL (a)\* | 1 TL(b)\* | 20% |
| ***Số câu/Loại câu*** | |  | ***8TN*** | ***1TL*** | ***1TL (a)*** | ***1TL(b)*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ %** | |  | **20%** | **15%** | **10%** | **5%** | **50** |

**2. Bản đặc tả**

**Phân môn Lịch sử**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung**  **kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ của yêu cầu cần đạt** | **Số câu hỏi theo mức độ**  **nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| 1 | **VIỆT NAM TỪ KHOẢNG THẾ KỈ VII TRƯỚC CÔNG NGUYÊN ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ X** | **1. Nhà nước Văn Lang-Âu Lạc** | **Nhận biết**  - Trình bày được tổ chức nhà nước Văn Lang-Âu Lạc | 2TN |  |  |  |
|  |  | **2. Các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu giành độc lập trước thế kỉ X** | **Nhận biết**  - Trình bày được những nét chính của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc (khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng,...) | **2TN** |  |  |  |
|  |  | **3. Các cuộc đấu tranh giành lại độc lập và bảo vệ bản sắc văn hoá của dân tộc** | **Nhận biết**  - Trình bày được những biểu hiện trong việc giữ gìn văn hoá của người Việt trong thời kì Bắc thuộc  **Thông hiểu**  - Hiểu được sự phát triển của văn hoá dân tộc trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc văn hoá Trung Hoa trong thời kì Bắc thuộc.  **Vận dụng**  - Rút ra ý nghĩa bài học trong việc giữ gìn văn hoá dân tộc | **2 TN** | **1** | **1** |  |
|  |  | **4. Bước ngoặt lịch sử ở đầu thế kỉ X** | **Nhận biết**  - Trình bày được những nét chính (nội dung, kết quả) về các cuộc vận động giành quyền tự chủ của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của họ Khúc và họ Dương  **Thông hiểu**  - Nêu được ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng (938)  **Vận dụng**  - Nhận xét được những điểm độc đáo trong tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền. | **2 TN** | **1** | **1** |  |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng** |  | **8 câu TNKQ** | **1 câu TL** | **1 câu (a) TL** | | **1 câu (b) TL** |
| ***Tỉ lệ %*** |  | ***20%*** | ***15%*** | ***10%*** | | ***5%*** |
| **Tỉ lệ chung** |  | **35** | | | **15** | |

**Bản đặc tả :Phân môn Địa lý**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | **Tổng số câu/ Tỉ lệ %** | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** |  |
| **1** | KHÍ HẬU VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ | – Các tầng khí quyển. Thành phần không khí  – Các khối khí. Khí áp và gió  – Nhiệt độ và mưa. Thời tiết, khí hậu  – Sự biến đổi khí hậu và biện pháp ứng phó | **Nhận biết**  – Mô tả được các tầng khí quyển, đặc điểm chính của tầng đối lưu và tầng bình lưu;  – Kể được tên và nêu được đặc điểm về nhiệt độ, độ ẩm của một số khối khí.  – Trình bày được sự phân bố các đai khí áp và các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất.  – Trình bày được sự thay đổi nhiệt độ bề mặt Trái Đất theo vĩ độ. | 2 TN |  |  | |  | 2 câu = 0,5 đ = 5% |
|  |  |
| **2**  **3** | NƯỚC TRÊN TRÁI ĐẤT  ĐẤT VÀ SINH VẬT TRÊN TRÁI ĐẤT | – Sông, hồ và việc sử dụng nước sông, hồ  - Thành phần của đất  – Các nhân tố hình thành đất  – Một số nhóm đất điển hình trên Trái Đất | **Nhận biết**  - Mô tả được các bộ phận của một dòng sông lớn.  **Nhận biết**  – Nêu được các thành phần chính của đất.  – Kể được tên và xác định được trên bản đồ một số nhóm đất điển hình  . **Thông hiểu**  -Trình bày được một số nhân tố hình thành đất.  **Vận dụng**  - Nêu được ví dụ về sự đa dạng của thế giới sinh vật ở lục địa và ở đại dương.  **Vận dụng cao**  - Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương. | 2 TN  2 TN | 1TL |  | |  | 2 câu = 0,5 đ = 5%  3 câu = 2 đ = 20% |
| 4 | CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN | Phân bố dân cư  -Tác động của thiên nhiên  -Khai thác và sử dụng thông minh tài nguyên thiên nhiên | **Nhận biết:**  - Dân cư thường tập trung đông ở khu vực nào  **Vận dụng**  -Thiên nhiên tác động như thế nào đến sản xuất  **Vận dụng cao**  Lấy ví dụ cụ thể về các biện pháp khai thác và sử dụng thông minh tài nguyên thiên nhiên | 2TN |  | 1TL(a) | | 1TL(b) | 4câu = 20đ = 20% |
| **Tổng số câu** | | |  | **8 câu TNKQ** | **1 câu TL** | **1 câu TL**  **(a-Câu 2)** | | **1 câu TL( b Câu 2)** | **11** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***15*** | ***10*** | | ***5*** | ***50*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **35** | | **15** | **50** | | |

**3. ĐỀ KIỂM TRA**

**A. PHÂN MÔN LỊCH SỬ**

**I.Trắc nghiệm: (2,0 điểm)**

**Câu 1. Nội dung nào dưới đây *không* phản ánh đúng cơ sở ra đời của nhà nước Văn Lang?**

A. Nhu cầu doàn kết chống ngoại xâm để bảo vệ bình yên.

B. Kinh tế phát triển, xã hội có nhiều chuyển biến.

C. Nhu cầu cùng làm thủy lợi để bảo vệ nền sản xuất.

D. Thắng lợi từ cuộc đấu tranh chống ách đô hộ của nhà Hán.

**Câu 2**.  **So với nhà nước Văn Lang, tổ chức bộ máy nhà nước thời Âu Lạc có điểm khác biệt là:**

A. Giúp việc cho vua có các Lạc hầu, Lạc tướng.

B. Vua đứng đầu nhà nước, nắm mọi quyền hành.

C. Cả nước chia thành nhiều bộ, do Lạc tướng đứng đầu.

D. Tổ chức chặt chẽ hơn, vua có quyền hơn trong việc trị nước.

**Câu 3. Sau khi cuộc khởi nghĩa thắng lợi, Trưng Trắc suy tôn làm vua, Bà chọn đóng đô ở đâu?**

A. Mê Linh (Hà Nội ngày nay) B. Đường Lâm (Sơn Tây);

C. Triệu Sơn- Thanh Hóa D. Vạn An (Nghệ An)

**Câu 4.** **Sự ra đời của Nhà nước Vạn Xuân gắn với thắng lợi của cuộc khởi nghĩa nào?**

A. Khởi nghĩa Bà Triệu B. Khởi nghĩa của Mai Thúc Loan;

C. Khởi nghĩa của Khúc Thừa Dụ D. Khởi nghĩa của Lý Bí.

**Câu 5.** **Tín ngưỡng truyền thống nào vẫn được người Việt duy trì trong suốt thời kì Bắc thuộc?**

A. Thờ cúng tổ tiên. B. Thờ đức Phật C. Thờ thần tài D. Thờ thánh A-na.

**Câu 6. Trong suốt thời kì Bắc thuộc, ngôn ngữ người Việt vẫn nghe và nói bằng hoàn toàn tiếng nào ?**

A. Tiếng Hán B. Tiếng Việt. C. Tiếng Anh. D. Tiếng Thái.

**Câu 7. Ai là người xưng Tiết độ sứ năm 905?**

A. Khúc Hạo B. Khúc Thừa Dụ C. Dương Đình Nghệ D. Ngô Quyền

**Câu 8**.**Chiến thắng nào đã chấm dứt vĩnh viễn thời kì Bắc thuộc và mở ra kỉ nguyên độc lập, tự chủ lâu dài trong lịch sử dân tộc Việt Nam?**

A. Trận chiến trên sông Như Nguyệt (1077). B. Chiến thắng Bạch Đằng (938).

C. Chiến thắng Bạch Đằng (981). D. Trận chiến tại Đông Bộ Đầu (1258).

**II. PHẦN TỰ LUẬN (3.0đ)**

**Câu 1***(1,0 điểm)***:**

Theo em, sau hơn một nghìn năm bị đô hộ, tổ tiên chúng ta vẫn giữ được những phong tục, tập quán gì? Ý nghĩa của việc này?

**Câu 2:** *(2,0 điểm)*

Nêu ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng năm 938? Hãy chỉ ra nét độc đáo trong cách đánh giặc của Ngô Quyền?

**B. PHÂN MÔN ĐỊA LÝ**

**I.Trắc nghiệm: (2,0 điểm)**

**Chọn phương án đúng nhất**

**Câu 1.** **Càng lên cao, nhiệt độ**

A. giảm . B. tăng .

C. không đổi . D. biến động .

**Câu 2.** **Chi lưu là gì?**

A. Các con sông đổ nước vào con sông chính và sông phụ.

B. Diện tích đất đai cung cấp nước thường xuyên cho sông.

C. Các con sông làm nhiệm vụ thoát nước cho sông chính.

D. Lượng nước chảy tạo ra mặt cắt ngang lòng ở con sông.

**Câu 3.** **Các thành phần chính của đất là**

A. cơ giới, không khí, hạt khoáng và mùn.

B. chất hữu cơ, nước, không khí và sinh vật.

C. nước, không khí, chất hữu cơ và độ phì.

D. không khí, nước, chất hữu cơ và hạt khoáng.

**Câu 4.** **Mỗi bán cầu gồm có các đới thiên nhiên nào sau đây?**

A. Một đới nóng, hai đới ôn hoà, hai đới lạnh.

B. Hai đới nóng, một đới ôn hoà, hai đới lạnh.

C. Một đới nóng, hai đới ôn hoà, một đới lạnh.

D. Hai đới nóng, hai đới ôn hoà, một đới lạnh.

**Câu 5**.**Đất đỏ vàng nhiệt đới chủ yếu tập trung ở khu vực nào?**

A. Đới nóng B. Đới lạnh

C. Đới ôn hòa D. Trên toàn bộ Trái Đất

**Câu 6. Đới nóng nằm trong khoảng phạm vi nào?**

A. từ chí tuyến Bắc đến chí tuyến Nam B. từ hai đường chí tuyến đến hai vòng cực

C. từ hai vòng cực đến hai cực D. từ hai đường chí tuyến đến hai cực

**Câu 7.** **Dân cư thường tập trung đông ở khu vực nào sau đây?**

A. Miền núi. B. Vùng đồng bằng, ven biển.

C. Các thung lũng. D. Hoang mạc và vùng cực.

**Câu 8.** **Đô thị Tô-ky-ô thuộc quốc gia nào dưới đây?**

A. Trung Quốc. B. Hàn Quốc. C. Nhật Bản. D. Ấn Độ.

**II. TỰ LUẬN (3 điểm)**

**Câu 1:** *(1,5 điểm)*Em hãy trình bày ảnh hưởng đến sự hình thành đất củacác nhân tố: đá mẹ, khí hậu, sinh vật?

**Câu 2.** *(1,5 điểm)*

a. Thiên nhiên tác động như thế nào đến sản xuất?

b. Lấy một ví dụ cụ thể về các biện pháp khai thác và sử dụng thông minh tài nguyên thiên nhiên?

**4.ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN LỊCH SỬ & ĐỊA LÍ LỚP 6**

**1. Lịch sử**

**A. Trắc nghiệm (2 điểm)**

(mỗi câu trả lời đúng 0.25đ)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| **Đáp án** | **D** | **D** | **A** | **D** | **A** | **B** | **B** | **B** |

**B. PHẦN TỰ LUẬN (3đ)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU** | **NỘI DUNG** | **ĐIỂM** |
| **1** *(1,0 điểm)* | - Sau hơn một nghìn năm bị đô hộ, tổ tiên của chúng ta vẫn giữ được phong tục tập quán: nhuộm răng, ăn trầu, làm bánh chưng, bánh giầy, xăm mình, giữ gìn được tiếng nói của tổ tiên,…  - Ý nghĩa: Những phong tục, tập quán ấy như đã ăn sâu vào tiềm thức của mỗi người con đất Việt. Chứng minh cho tình yêu đất nước, quê hương; dù cho đất nước có rơi vào vòng nô lệ thì nhân dân ta vẫn một lòng giữ vững bản sắc tinh túy của dân tộc. | **0,5**  **0,5** |
| **2** *(2,0 điểm)* | **a. :** Nét độc đáo trong cách đánh giặc của Ngô Quyền.*(1,0 điểm)*  - Dự đoán chính xác đường tiến công của giặc.  - Chọn vị trí và địa điểm quyết chiến phù hợp, thuận lợi cho quân ta rút lui và phản công.  - Kế sách đóng cọc độc đáo, mang lại hiệu quả cao và tạo sự bất ngờ cho quân giặc. | **0,25**  **0,25**  **0,5** |
| **b. : Ý nghĩa:***(1,0 điểm)*  - Đánh bại hoàn toàn ý định xâm lược nước ta của quân Nam Hán, bảo vệ nền độc lập tự chủ.  - Chính thức kết thúc 1000 năm Bắc thuộc, mở ra kỷ nguyên độc lập lâu dài.  - Thể hiện tinh thần chiến đấu quật cường của dân tộc ta.  - Thể hiện tài năng, trí tuệ, bản lĩnh của Ngô Quyền. | **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,25** |

**2.Phần Địa lí**

**A. TRẮC NGHIỆM (2 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| **Đáp án** | A | C | D | A | A | A | B | C |

**B. TỰ LUẬN (3 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** | **Ảnh hưởng của các nhân tố hình thành đất**  - Đá mẹ: nguồn gốc sinh ra thành phần khoáng, quy định màu sắc, tính chất của đất.  - Khí hậu: điều kiện thuận lợi hoặc khó khăn cho quá trình phân giải các chất khoáng, chất hữu cơ trong đất  - Sinh vật: Nguồn gốc sinh ra thành phần hữu cơ, là nhân tố trong quá trình phong hóa đá mẹ. | 0,5  0,5  0,5 |
| **2** | **a. Thiên nhiên tác động như thế nào đến sản xuất**  - Tích cực:  Vd: + Điều kiện tự nhiên thuận lợi: dân cư đông đúc  + Tài nguyên thiên nhiên phong phú: thuận lợi để phát triển sản xuất, kinh tế.  - Hạn chế:  Vd: + Thiên tai  + Tài nguyên  **b. Ví dụ cụ thể về các biện pháp khai thác và sử dụng thông minh tài nguyên thiên nhiên**  ***\* Khai thác đảm bảo phát triển bền vững***  Vd: + Khai thác khoáng sản hợp lí, tiết kiệm, có kế hoạch  + Sử dụng năng lượng tái tạo (điện mặt trời, điện gió...)  ....  ***\* Khai thác đi đôi với việc sử dụng khoa học công nghệ***  Vd: sản xuất được các sản phẩm trái mùa... | 0,5  0,5  0,5 |
| **Tổng** |  | **3,0** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phê duyệt của BGH** | **Phê duyệt của tổ CM**  **Dư Thị Khiến** | **Người ra đề**    **Bùi Thị Nhung**  **Đỗ Thị Chính** |